

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng Thuộc Nội Dung 01,  
tiểu Dự án 2, Dự án 3 Chương trình Mục tiêu quốc gia  
phát triển kinh tế vùng đồng bào dân thiểu số và miền núi năm 2024.  
Tên dự án: Trồng dâu nuôi tằm thôn 6,7,8 xã Quảng Hòa**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG HÒA**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế, quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế, quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc về Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;*

*Căn cứ Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông Quyết định ban hành Quy định cơ chế vòng một phần vốn*

*hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;*

*Căn cứ Quyết định số 1078/QĐ-UBND, ngày 30/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc giao chỉ tiêu, nhiệm vụ dự toán ngân sách thực hiện 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 1080/QĐ-UBND, ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao chỉ tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;*

*Căn cứ Quyết định 1052/QĐ-UBND ngày 30/05/2023 của UBND huyện Đắk Glong về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 Chương trình MTQG trên địa bàn huyện Đắk Glong năm 2023.*

*Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc ủy quyền Ủy quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn huyện Đắk Glong;*

*Căn cứ Thông báo số 243/TB-TTĐ ngày 15/11/2024 của Tổ thẩm định 1504 về kết quả thẩm định dự án hỗ trợ phát triển mô hình trồng dâu nuôi tằm thôn 6,7,8 xã Quảng Hòa thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện năm 2024;*

*Theo đơn đề nghị của Tổ cộng đồng về việc Hỗ trợ phát triển mô hình trồng dâu nuôi tằm thôn 6,7,8 xã Quảng Hòa thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Nội dung 01 - tiểu dự án 2 – Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và Miền núi nguồn vốn năm 2024 (Hỗ trợ trồng dâu nuôi tằm thôn 6,7,8 xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông) với các nội dung như sau:

**1. Tên dự án đầu tư:** Dự án Trồng dâu nuôi tằm thôn 6,7,8 xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

**2. Đại diện cộng đồng dân cư:**

Người đại diện: **Hà Thị Lanh**

- Chức vụ: Tổ trưởng nhóm Trồng dâu nuôi tằm thôn 6,7,8 xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

Danh sách cộng đồng tham gia dự án:

<b>T T</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Dân tộc</b>	<b>Đối tượng ưu tiên</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Sùng Văn Giàng	1985	Thôn 7	Mông	Cận nghèo	0.4	Đã trồng dâu

2	Lục Văn Tràng	1971	Thôn 8	Tày	Cận nghèo	0.4	Đã trồng dâu
3	Ma Văn Viện	1985	Thôn 8	Tày	Cận nghèo	0.3	Đã trồng dâu
4	Lương Văn Nhuận	1970	Thôn 8	Tày	Cận nghèo	0.4	Đã trồng dâu
5	Vương Văn Chiến	1980	Thôn 6	Tày	Hộ mới thoát nghèo	0.4	Đã trồng dâu
6	Triệu Thị Phương	1988	Thôn 6	Tày	DTTs	0.3	Đã trồng dâu
7	Hoàng Văn Bình		Thôn 7	Tày	Hộ mới thoát nghèo	0.3	Đã trồng dâu
8	Vi Văn Thuý	1974	Thôn 8	Mường	Hộ mới thoát nghèo	0.3	Đã trồng dâu
9	Hà Thị Lanh	1998	Thôn 7	Tày	DTTs, chủ hộ đơn thân nuôi con là nữ	0.4	Đã trồng dâu
10	Hoàng Chung Thành	1986	Thôn 6	Tày	DTTs, hộ tách từ hộ cận nghèo sang	0.3	Đã trồng dâu
11	Vi Văn Thương	1982	Thôn 8	Mường	Hộ nghèo	0,5	Đã trồng dâu

**4. Thời gian triển khai:** 24 tháng (bắt đầu từ tháng 11/2024-10/2026)

**5. Địa điểm thực hiện dự án:** Xã Quảng Hòa, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông;

**6. Nội dung hoạt động của dự án:**

**6.1. Nội dung hoạt động ngân sách nhà nước hỗ trợ gồm:**

- Hỗ trợ né đôi, giàn nuôi tằm, chân treo né, đập.

**6.2. Nội dung hoạt động từ các nguồn chi phí khác:**

- Nội dung hoạt động sử dụng kinh phí đóng góp của cộng đồng:

+ Làm nhà nuôi tằm;

+ Công lao động;

+ Chi phí trồng dâu;

+ Chi phí nuôi tằm;

- Nội dung hoạt động sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác:

**7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án: 643.796.000 đồng** (Sáu trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn đồng) trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: **218.400.000 đồng** ( Hai trăm mười tám triệu bốn trăm ngàn đồng)

- Kinh phí đóng góp của cộng đồng: **425.396.000 đồng** (Bốn trăm hai mươi lăm triệu ba trăm chín mươi sáu ngàn đồng) (Chi phí cho vườn dâu, chi phí nuôi tằm, kinh phí vay thêm từ ngân hàng chính sách xã hội huyện và sử dụng tiền từ việc bán kén tằm)

- Huy động từ nguồn kinh phí khác: đồng.

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)	Ghi chú
<b>A. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước</b>					<b>218.400.000</b>	
1	Né gỗ (né đôi)	cái	550	210.000	115.500.000	Theo khảo sát giá thị trường tại thời điểm viết dự án
2	Dập	cái	8	1.800.000	14.400.000	
3	Giàn nuôi tằm(4 tầng)	cái	8	9.000.000	72.000.000	
4	Chân treo né	cái	30	550.000	16.500.000	
<b>B. Kinh phí đóng góp của cộng đồng</b>					<b>425.396.000</b>	
1	<b>Chi phí nuôi tằm, vườn dâu</b>				<b>425.396.000</b>	
<b>C. Doanh thu</b>					<b>2.016.000.000</b>	
<b>D. Lợi nhuận</b>					<b>1.372.204.000</b>	
Kết quả sau khi kết thúc dự án mang lại thu nhập bình quân cho các hộ dân tham gia dự án. (đã trừ dụng cụ chăn nuôi, phân bón, nhà tằm; chưa tính công lao động của người dân)					<b>124.745 .000</b>	

## 8. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng

a/ Tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ:

Tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ: 10% tổng số vốn nhà nước hỗ trợ, tổng phải nộp 21.840.000 đồng (theo điểm a khoản 2 Điều 3 Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 31/1/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông).

Hình thức thu hồi kinh phí để quay vòng: Bằng tiền (tiền mặt hoặc chuyển khoản)

b/ Thời gian thu, nộp:

- Đối với dự án trồng dâu nuôi tằm có chu kỳ là 24 tháng, do đó thời gian thu hồi là tối đa không quá 6 tháng kể từ khi kết thúc dự án.

+ Thời gian nộp nhóm thống nhất đóng tiền quay vòng vốn sau khi nhận được dụng cụ chăn nuôi từ dự án.

- Tỷ lệ, thời gian thu hồi đối với các trường hợp thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh:

+ Các trường hợp hộ tham gia dự án bị thiệt hại từ 30% đến dưới 70% do nguyên nhân khách quan được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Quy định này, theo biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền thì thời gian gia hạn tối đa 12 tháng, thu hồi bằng 50% tỷ lệ thu hồi.

+ Các trường hợp hộ tham gia dự án bị thiệt hại từ 70% trở lên do các nguyên nhân khách quan được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Quy định này, theo biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền thì không thu hồi kinh phí hỗ trợ.

c/ Cách thức quản lý tiền luân chuyển, quay vòng trong cộng đồng

- Đối tượng tham gia dự án có trách nhiệm nộp tiền thu hồi một phần vốn hỗ trợ (1.985.000 đồng/hộ) cho trường nhóm để quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển trong cộng đồng.

- Cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng không đủ năng lực quản lý, cơ quan đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cử cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý, tổ chức xoay vòng luân chuyển.

- Ban quản lý xã thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo sổ chi đã thực thanh toán và sổ chi đã hạch toán chi ngân sách nhà nước của dự toán theo đúng quy định Luật ngân sách Nhà nước. Thực hiện nhiệm vụ mở sổ theo dõi riêng các khoản quay vòng, luân chuyển.

- Trường hợp dự án kết thúc và đối tượng tham gia dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn bằng tiền để quay vòng, luân chuyển, tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất thì cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất quyết định thu hồi vốn bằng tiền nộp vào tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước để sử dụng hỗ trợ thực hiện dự án, phương án mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc thực hiện nộp vào Ngân sách Nhà nước quản lý theo quy định.

- Việc quản lý và sử dụng kinh phí quay vòng vốn phải đảm bảo công khai, minh bạch, đúng trình tự, tuân thủ các quy định của Pháp luật về quản lý, sử dụng kinh phí và quy định tại Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh.

## **9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả của dự án (về kinh tế, xã hội, môi trường)**

- Hiệu quả về kinh tế: Trước khi tham gia dự án, hộ nghèo, cận nghèo thiếu vốn sản xuất, chưa có công ăn việc làm, chưa có kỹ thuật. Sau khi thực hiện dự án có việc làm ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, cận nghèo chủ động sản xuất trên chính nguồn tài sản của họ, tự tính thu, chi trong sản xuất, chi tiêu tiết kiệm, tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống vươn lên thoát nghèo.

+ Dự tính sản phẩm và doanh thu: Dâu tằm đã được người dân trồng và cho thu hoạch lá vào tháng đầu tháng 11/2024. Và nuôi tằm con lớn (tuổi 4)

### **9.1. Thời gian từ tháng 11/2024 đến tháng hết tháng 10/2025 (năm đầu dự án)**

❖ Chi phí cho vườn dâu: Chi phí sản xuất cho 4 ha dâu của toàn dự án

Số TT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
01	Phân hữu cơ	tấn	40	3.000.000	120.000.000	
02	Phân Urê	kg	1594	12.000	18.768.000	
03	Phân Lân	kg	2786	5.000	13.930.000	
04	Thuốc BVTV	lít	40	120.000	4.800.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>157.498.000</b>	

❖ Chi phí nuôi tằm:

Từ tháng 11/2024 đến tháng 10 năm 2025 sản lượng lá dâu thu khoảng 10 tấn/ha, sản lượng lá dâu của toàn dự án 10 tấn x 4 ha = 40 tấn.

Căn cứ theo định mức tiêu hao lá dâu/kg kén là từ 13 –14 kg, thì sản lượng lá dâu năm đầu tiên sẽ thu được 2.800 kg kén; tính bình quân 01 hộp tằm con tuổi 4, cho bình quân 70 kg kén; như vậy dự án phải nuôi với số lượng là 40 hộp tằm con tuổi 4.

Chi phí nuôi tằm năm đầu tiên tương ứng 4 ha dâu của toàn dự án

Số TT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
01	Tằm con	hộp	40	1.200.000	48.000.000	Tằm con tuổi 4
02	Thuốc sát trùng	kg	130	40.000	5.200.000	Các hộ dân vay vốn ngân hàng chính sách và hỗ trợ của nhà nước cho dự án
03	Thuốc trị bệnh mủ	Hộp	40	100.000	4.000.000	
04	Thuốc chín	Hộp	40	10.000	400.000	
05	Né gỗ (né đôi)	cái	550	210.000	115.500.000	
06	Chân treo né	cái	30	550.000	16.500.000	
07	Dập	cái	8	1.800.000	14.400.000	
08	Giàn nuôi tằm	cái	8	9.000.000	72.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>276.000.000</b>	

\* Hạch toán: Tính cho toàn dự án 4 ha dâu.

- Tổng thu: 2.800 kg kén x 180.000 đồng/kg = 504.000.000 đồng.

- Tổng chi: **433.498.000 đồng.**

+ Chi cho vườn dâu: 157.498.000 đồng;

+ Chi nuôi tằm: 276.000.000 đồng;

Hạch toán = Tổng thu – Tổng chi (504.000.000 đồng – **433.498.000 đồng** = 70.502.000 đồng).

Như vậy từ tháng 11/2024 đến tháng 10/2025 khi trừ các chi phí dự án thì đang **70.502.000** đồng; Tiếp tục sử dụng số tiền lãi đầu tư cho năm tiếp theo.

## 9.2. Thời gian từ tháng 11/2025 đến tháng 10/2026

❖ Chi phí cho vườn dâu: Chi phí sản xuất cho 4 ha dâu của toàn dự án. Năm 2 vườn dâu không phải mua phân hữu cơ nữa vì đã có phân tầm bón.

Số TT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
01	Phân Urê	kg	1594	12.000	18.768.000	
02	Phân Lân	kg	2786	5.000	13.930.000	
03	Thuốc BVTV	lít	40	120.000	4.800.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>37.498.000</b>	

### ❖ Chi phí nuôi tầm:

Vườn dâu bắt đầu đi vào giai đoạn kinh doanh năng suất lá dâu tăng lên và bình quân sẽ đạt đến khoảng 30 tấn/ha; như vậy sản lượng lá dâu của dự án là 30 tấn x 4 ha = 120 tấn; với sản lượng này tương ứng sẽ nuôi tầm cho thu hoạch được khoảng 8400 kg kén ≈ 120 hộp tầm con tuổi 4

Chi phí nuôi tầm tương ứng 4 dâu của toàn dự án

Số TT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
01	Tầm Con	hộp	120	1.200.000	144.000.000.	Tầm con tuổi 4
02	Thuốc sát trùng	kg	120	40.000	15.600.000	
03	Thuốc trị bệnh mủ	Hộp	120	100.000	12.000.000	
04	Thuốc chín	Hộp	120	10.000	1.200.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>172.800.000</b>	

Chi phí nuôi tầm cho những năm tiếp theo chủ yếu là tiền mua trứng tầm và thuốc sát trùng, còn các vật tư khác như né và các dụng cụ khác từ năm thứ nhất vẫn còn sử dụng được.

\* **Hạch toán:** Tính cho toàn dự án 4 ha dâu.

- **Tổng thu:** 8.400 kg kén x 180.000 đồng/kg = **1.512.000.000 đồng.**

- **Tổng chi:** **210.298.000 đồng.**

+ Chi cho vườn dâu: **37.498.000 đồng**

+ Chi nuôi tầm: **172.800.000 đồng;**

Hạch toán = Tổng thu – Tổng chi (**1.512.000.000 đồng – 210.298.000 đồng = 1.301.702.000 đồng**).

Như vậy từ tháng 11/2025 đến tháng 10/2026 khi trừ các chi phí dự án còn lại được **1.301.702.000** đồng; nguồn vốn này tiếp tục đầu tư vào chăm sóc vườn dâu và đầu tư chi phí nuôi tằm năm tiếp theo.

**\*Tổng thu của dự án sau 2 năm: 1.512.000.000 đồng + 504.000.000 đồng = 2.016.000.000 đồng**

**\*Tổng chi của dự án sau 2 năm: 433.498.000 đồng + 210.298.000 đồng = 643.796.000 đồng**

**\*Tổng cộng lợi nhuận của dự án sau 2 năm: 2.016.000.000 đồng - 643.796.000 đồng = 1.372.204.000 đồng**

+ Cân đối thu chi và hiệu quả sản xuất: Dự kiến sau 24 tháng trồng dâu giá trị thu được khi chưa tính công lao động của người dân (theo cách tính của người dân) sẽ được giá trị là **1.372.204.000/11** hộ, tương đương **124.745 .000 đồng/hộ/2** năm.

- Hiệu quả về xã hội: Tạo điều kiện cho hộ nghèo, cận nghèo nhận thức được cần phải cố gắng sản xuất, tự lực vươn lên thoát nghèo bền vững, hạn chế được tối đa lao động trong độ tuổi mà không có việc làm, nhất là lao động trong hộ nghèo, cận nghèo.

- Về môi trường: Phân tằm được người dân ủ hoại bón cho cây dâu tằm giảm chi phí đầu tư về phân bón cho người dân, không ô nhiễm môi trường.

## **10. Trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp**

### **a. Ủy ban nhân dân xã**

Chịu trách nhiệm phê duyệt phương án, cấp kinh phí thực hiện phương án theo đúng quy định. Kiểm tra, theo dõi việc thực hiện phương án, và báo cáo với UBND huyện về tiến độ cũng như kết quả thực hiện phương án. Cùng với tổ cộng đồng triển khai phương án, thanh toán các hạng mục hỗ trợ và quản lý vốn quay vòng theo đúng quy định

### **b. Đối với Hội Nông dân xã.**

Chịu trách nhiệm tính chính xác của đối tượng, hỗ trợ nhóm cộng đồng thực hiện và quản lý dự án,.

### **c. Tổ cộng đồng:**

- Tổ trưởng : UBND xã giao kinh phí từ ngân sách nhà nước cho đại diện cộng đồng ( trưởng nhóm hoặc tổ trưởng) thực hiện việc mua sắm theo quy định tại Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền và hợp đồng đã ký kết với đại diện cộng đồng ( trưởng nhóm hoặc tổ trưởng) được giao vốn thực hiện dự án; người đại diện cộng đồng tự thực hiện việc mua sắm; thực hiện dự án lưu giữ chứng từ liên quan trong việc thực hiện dự án để thanh quyết toán theo quy định. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã trong việc triển khai phương án, phối hợp với UBND xã kiểm tra, đôn đốc cách thành viên trong nhóm thực hiện phương án theo đúng kế hoạch và cam kết. Báo cáo cho UBND xã về các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Các thành viên tham gia có trách nhiệm thực hiện đúng yêu cầu của phương án, thực hiện nghiêm chỉnh việc nộp tiền quay vòng cho tổ nhóm.



## **11. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết.**

- Ủy ban nhân dân xã xây dựng bản cam kết giữa các hộ tham gia dự án với chính quyền nêu rõ quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của các hộ dân tham gia làm căn cứ để xử lý trong quá trình vi phạm khi thực hiện dự án.

Trường hợp các hộ gia đình được hỗ trợ tham gia dự án nhưng không chấp hành các quy định của dự án, các quy định của tổ cộng đồng, cam kết tham gia ban đầu thì phải hoàn trả toàn bộ kinh phí đã được hỗ trợ (kể cả lãi phát sinh).

## **12. Tổ chức thực hiện dự án:**

### **12.1. Đối với Ban quản lý xã:**

- Khảo sát lựa chọn hộ tham gia dự án và đăng ký nhu cầu vốn: Theo đúng đối tượng theo Quy định.

- Đăng ký tham gia dự án: Trên cơ sở danh sách đối tượng hỗ trợ được bình chọn, Ủy ban nhân dân xã phối hợp với ban ngành đoàn thể của xã và Ban tự quản các thôn, đến trực tiếp hộ gia đình để phỏng vấn, nội dung phỏng vấn tạo điều kiện để hộ gia đình chủ động đăng ký nhu cầu hỗ trợ để phát triển sản xuất nhằm mục đích giúp hộ thoát nghèo.

### **12.2. Đối với thành viên tổ cộng đồng**

Khi các hộ nhận được nguồn vốn hỗ trợ từ mô hình, để nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như mang tính bền vững của mô hình chăn nuôi. Mô hình hoạt động dưới sự hỗ trợ giúp đỡ của Ban quản lý dự án sẽ cùng xây dựng, hình thành nhóm để hoạt động, với dự kiến một số phương án như sau:

Tổ chức họp định kỳ hàng tháng các hộ cùng mô hình dưới sự giám sát của Ban quản lý để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm chăn nuôi.

Thực hiện việc xây dựng nguồn quỹ từ mô hình để có nguồn quỹ duy trì các hoạt động và giúp đỡ những gia đình còn khó khăn để họ được tiếp tục thực hiện các hoạt động chăn nuôi hàng đàn, hàng quy mô.

Xây dựng kế hoạch chăn nuôi dài hạn và kế hoạch sản xuất trong từng hộ, tiết kiệm chi phí sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, từ đó sẽ có nguồn vốn để tiếp tục đầu tư tái sản xuất, có thể thực hiện quy mô hàng đàn, hỗ trợ và kết nạp thêm các hộ chăn nuôi mới cùng làm ăn.

Từ hiệu quả chăn nuôi thu được người dân nhận thấy có lợi nhuận, đời sống gia đình dần được cải thiện từ đó sẽ thay đổi thói quen, thay đổi tập quán sản xuất cũ mà làm theo.

## **13. Các nội dung liên quan khác.**

Hỗ trợ kỹ thuật: Khi tổ cộng đồng có nhu cầu về tập huấn kỹ thuật, tổ trưởng sẽ báo cáo cho ban quản lý xã; Ban quản lý xã chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị chuyên môn tiến hành tổ chức tập huấn cho người dân.

Khi có vấn đề phát sinh, đặc biệt là dịch bệnh, thiên tai, tổ nhóm cần chủ động kịp thời báo cho Ban quản lý xã để phối hợp báo cáo cấp trên, Trường hợp dịch

bệnh, thiên tai gây hại từ 50% trở lên cần báo UBND huyện để thành lập đoàn, đánh giá, xác minh để có biện pháp khắc phục hậu quả.

#### **14. Phương án mua sắm và đầu mối thực hiện**

UBND xã giao kinh phí từ ngân sách nhà nước cho đại diện cộng đồng ( trưởng nhóm hoặc tổ trưởng) tự thực hiện việc mua sắm theo quy định tại Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền và hợp đồng đã ký kết với đại diện cộng đồng (trưởng nhóm hoặc tổ trưởng) được giao vốn thực hiện dự án; người đại diện cộng đồng tự thực hiện việc mua sắm; thực hiện dự án lưu giữ chứng từ liên quan trong việc thực hiện dự án để thanh quyết toán theo quy định.

**15. Tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ:** UBND xã phối hợp với ban phát triển thôn và Tổ cộng đồng quản lý tài sản đã được hỗ trợ, duy trì và mở rộng quy mô dự án.

#### **14. Hình thức, mức quay vòng vốn:**

- Tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ: 10% bằng 21.840.000 đồng ( Hai mươi một triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng). Tương ứng mỗi hộ 1.985.000 đồng/hộ ( Một triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn đồng)

Hình thức thu hồi kinh phí để quay vòng: Bằng tiền (tiền mặt hoặc chuyển khoản)

- Thời gian thu, nộp:

+ Đối với dự án có chu kỳ là 24 tháng, do đó thời gian thu hồi là tối đa không quá 6 tháng kể từ khi kết thúc dự án.

+ Thời gian nộp sau khi kết thúc dự án: vào tháng 5/2027.

- Cách thức quản lý tiền luân chuyển, quay vòng trong cộng đồng

+ Cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng không đủ năng lực quản lý, cơ quan đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cử cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý, tổ chức xoay vòng luân chuyển.

+ UBND xã thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo số chi đã thực thanh toán và số chi đã hạch toán chi ngân sách nhà nước của dự toán theo đúng quy định Luật ngân sách Nhà nước. Thực hiện nhiệm vụ mở sổ theo dõi riêng các khoản quay vòng, luân chuyển.

+ Trường hợp dự án kết thúc và đối tượng tham gia dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn bằng tiền để quay vòng, luân chuyển, tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất thì cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất quyết định thu hồi vốn bằng tiền nộp vào tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước để sử dụng hỗ trợ thực hiện dự án, phương án mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc thực hiện nộp vào Ngân sách Nhà nước quản lý theo quy định.

+ Việc quản lý và sử dụng kinh phí quay vòng vốn phải đảm bảo công khai, minh bạch, đúng trình tự, tuân thủ các quy định của Pháp luật về quản lý, sử dụng kinh phí và quy định tại Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh.

## **15. Đối với các trường hợp rủi ro, thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh:**

+ Các trường hợp hộ tham gia dự án bị thiệt hại từ 30% đến dưới 70% do nguyên nhân khách quan được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 5 Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông và có biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền thì thời gian gia hạn tối đa 12 tháng, thu hồi bằng 50% tỷ lệ thu hồi.

+ Các trường hợp hộ tham gia dự án bị thiệt hại từ 70% trở lên do các nguyên nhân khách quan được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 5 Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông và có biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền thì không thu hồi kinh phí hỗ trợ.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao kinh phí từ ngân sách nhà nước cho đại diện tổ cộng đồng đại diện là (Bà) Hà Thị Lanh – Tổ trưởng tự thực hiện việc mua sắm theo quy định tại Quyết định phê duyệt dự án và hợp đồng đã ký kết với đơn vị được giao vốn thực hiện dự án, người đại diện cộng đồng tự thực hiện việc mua sắm và có trách nhiệm cung cấp đầy đủ chứng từ liên quan trong việc thực hiện dự án cho đơn vị được giao vốn thực hiện dự án để thanh quyết toán và lưu giữ chứng từ theo quy định;

2. UBND xã Quảng Hòa, Hội Nông dân xã, Ban phát triển thôn và tổ công đồng chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung tại Điều 1 của Quyết định này; theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện phát triển dự án, định kỳ hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, một năm hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân xã tình hình triển khai thực hiện để chỉ đạo kịp thời.

3. Công chức Văn hóa - Xã hội phối hợp chặt chẽ với công chức Tài chính - Kế toán, công chức Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp và Môi trường, Cán bộ thú y xã và tổ cộng đồng thực hiện Dự án Cải tạo chăm sóc cây cà phê thực hiện kiểm soát dịch bệnh, chất lượng hàng hóa, con giống... trong quá trình triển khai dự án đảm bảo đúng quy định.

4. UBND xã Quảng Hòa có trách nhiệm thực hiện, quản lý dự án nêu trên theo quy định và định kỳ 6 tháng, một năm báo cáo tình hình phát triển của dự án, đánh giá hiệu quả dự án, gửi báo cáo Ủy ban nhân dân huyện theo quy định.

5. Hội Nông dân xã kiểm tra giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện dự án, chịu trách nhiệm trước đồng chí Trưởng ban quản lý về công tác quản lý và phát triển dự án Trồng dâu nuôi tằm tại thôn 6,7,8 xã Quảng Hòa.

### **Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**

Công chức Văn phòng - Thống kê, công chức Văn hóa - Xã hội, công chức Tài chính - Kế toán, công chức Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp và Môi trường, Hội Nông dân xã, Ban phát triển các thôn, tổ công đồng thực hiện Trồng dâu nuôi tằm tại thôn 6,7,8 xã Quảng Hòa và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- UBND huyện Đắk Glong;
- Phòng Dân tộc huyện;
- Phòng NN&PTNT huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Phòng LĐTB&XH huyện;
- Trung tâm DVKTNN huyện;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- UBMTTQVN và các Tổ chức đoàn thể xã;
- Ban phát triển các thôn;
- Trang TTĐT xã; Đài PTTH xã;
- Lưu: VT, VHXX.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Đình Mạo**